TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST. Ngày 03 – 01 – 2018. V/v Tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Ông Tạ Hồng Thái.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 03 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2017/TLST – HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2017, về việc tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2017/QĐXXST - HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2017/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Hoàng Kh. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 13 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Bùi Hoàng Kh chung sống với nhau từ năm 2004, đến năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không phù hợp tính tình nên thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2005 đến năm 2016 về chung sống lại, nhưng đến tháng 01/2017 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay không tạo điều kiện hàn gắn được.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Xuân Ch, sinh ngày 15/5/2005, đang sống với mẹ là chị Trần Thị N.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Hoàng Kh.

- Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Hoàng Kh đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa anh Bùi Hoàng Kh vẫn vắng mặt không có lý do.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Trần Thị N có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị và anh Kh được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Vị Tân ngày 10/6/2016 và giấy khai sinh của con chung tên Trần Thị Xuân Ch (bản sao); anh Bùi Hoàng Kh không có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị N và anh Bùi Hoàng Kh chung sống với nhau vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2016 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hiện nay quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị N và anh Bùi Hoàng Kh được pháp luật công nhận là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, trong cuộc sống tính tình không hợp nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, khi có mâu thuẫn anh chị đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhiều lần từ năm 2005 đến nay không hàn gắn được. Tòa án cũng đã tống đạt thông báo để anh chị đến Tòa án hòa giải với nhau nhằm tạo điều kiện động viên cho anh chị đoàn tụ, nhưng anh Kh đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay Trần Thị N cương quyết yêu cầu được ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Bùi Hoàng Kh.

[2] *Về con chung*: Chị Trần Thị N khai có 01 con chung tên Trần Thị Xuân Ch, sinh ngày 15/5/2005, anh Bùi Hoàng Kh không có ý kiến. Chị Trần Thị N yêu cầu

được nuôi con, không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Con tên Trần Thị Xuân Ch, sinh ngày 15/5/2005 đã sống với mẹ là chị N từ khi còn nhỏ đến nay, cuộc sống của cháu đã ổn định. Khi vợ chồng ly thân anh Kh cũng để cháu Trần Thị Xuân Ch cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay nguyện vọng của cháu Trần Thị Xuân Ch cũng muốn sống chung với mẹ là chị N, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao cháu Trần Thị Xuân Ch cho chị N được quyền nuôi dưỡng. Chị N chưa có yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Trần Thị N khai không có, anh Bùi Hoàng Kh cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Trần Thị N phải chịu.

[5] Đối với anh Bùi Hoàng Kh dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Kh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Bùi Hoàng Kh.

2. Về con chung: Chị Trần Thị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thị Xuân Ch, sinh ngày 15/5/2005. Anh Bùi Hoàng Kh chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị N chưa có yêu cầu. Anh Bùi Hoàng Kh có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc chị Trần Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0012490 ngày 13/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Chị Trần Thị N được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Hoàng Kh vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản

án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- UBND xã Vị Tân, TP. Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Như Nguyện